

Bản án số: 52/2018/HSST

Ngày: 20/6/2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Liêu

2. Ông Nguyễn Mạnh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: Ông Trương Thanh Tuấn - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 20 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 45/2018/HSST ngày 08 tháng 5 năm 2018, đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn B; Sinh năm: 1988 tại tỉnh B

Nơi cư trú: Khu phố A, phường Đ, TP. P, tỉnh B1; số chứng minh nhân dân 261248913; nghề nghiệp: Đánh cá; trình độ văn hóa: 03/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Văn G (chết) và Nguyễn Thị P, sinh năm 1963; Có vợ là Hàn Mỹ D, sinh năm 1988 (không đăng ký kết hôn) và có 02 con, lớn sinh năm 2016 và nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31 tháng 01 năm 2018 đến ngày 09 tháng 02 năm 2018 thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

- Bị hại: Trần Quốc H; Sinh năm: 1993 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn b, xã E, huyện K, tỉnh Đ

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Hàn Mỹ D, sinh năm: 1988

Trú tại: Khu phố A, phường Đ, TP. P, tỉnh B1.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

1/ Quách Đình Minh Đ; Sinh năm: 1995 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn b, xã E, huyện K, tỉnh Đ

2/ Lê Văn T; Sinh năm: 1987 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ

3/ Nguyễn Thị Mai L; Sinh năm: 1992 (Vắng mặt)

Trú tại: KP 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: khoảng 03 giờ ngày 31 tháng 01 năm 2018 Nguyễn Văn B điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 60B8 - 78.... chở Thành (không rõ nhân thân, lai lịch) chạy trên tuyến đường Quốc lộ 14 hướng từ thị xã Đông Xoài đi tỉnh Đắk Nông. Khi đến ngân hàng Aribank chi nhánh xã Đức Liễu thuộc thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước thì Thành phát hiện 01 xe ô tô tải biển kiểm soát: 47C-09.....đang dừng bên đường nên Thành nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản trên xe ô tô. Lúc này Thành nói B dừng xe lại cách chỗ xe ô tô dừng khoảng 10 mét để cảnh giới còn Thành đi đến chỗ xe ô tô, B đồng ý. Sau đó Thành đi bộ đến chỗ xe ô tô lợi dụng tài xế xe đang ngủ lấy 01 điện thoại Iphone 7, 01 điện thoại SamSung J7 và 01 ví da bên trong có số tiền 3.000.000 đồng. Sau khi lấy được tài sản B và Thành lên xe chạy về hướng tỉnh Đắk Nông. Phát hiện bị mất tài sản nên anh Trần Quốc H đi nhờ xe ô tô của anh Lê Văn T đuổi theo B, Thành (do anh H có cài định vị trên điện thoại nên biết được Thành, B là người lấy tài sản). Khi đến thôn Sơn Phú, xã Phú Sơn, huyện Bù Đăng thì bắt được B cùng xe mô tô biển kiểm soát: 60B8 - 78.... còn Thành chạy thoát cùng tang vật.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 17/KL – ĐG, ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bù Đăng kết luận tại thời điểm bị chiếm đoạt: 01 điện thoại di động I phone 7 đã qua sử dụng có giá trị là 13.600.000 đồng; 01 điện thoại di động SAMSUNG J7 Pro đã qua sử dụng có giá trị là 5.592.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 19.192.000 đồng.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình nêu trên. Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm về tội danh đã truy tố đối với bị cáo.

Vật chứng vụ án: 01 điện thoại di động Iphone 6, màu trắng; 01 điện thoại di động NOKIA màu đen; 01 điện thoại di động hiệu LAMBOGHINI, màu vàng đen; 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe mô tô mang tên Nguyễn Văn B hiện đã xử lý tra trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp. Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát: 60B8 - 78...., 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 024750 tên Nguyễn Thị Mai L hiện đã chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng là tài sản riêng của chị Hàn Mỹ D là người sống chung như vợ chồng với bị cáo, khi bị cáo cùng người khác thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, chị D không biết nên cần tuyên trả cho chị D.

Trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra bị hại Trần Quốc H yêu cầu Nguyễn Văn B bồi thường giá trị tài sản thiệt hại với số tiền là 22.192.000 đồng và đã bồi thường xong nên không đề cập giải quyết.

Tại bản cáo trạng số: 42/CT –VKS.BĐ ngày 07/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo Nguyễn Văn B về “Tội trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát khẳng định nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, vì vậy đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Về tội danh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn B phạm “Tội trộm cắp tài sản”; về hình phạt, áp dụng Khoản 1 Điều 173, điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B từ 12 đến 15 tháng tù. Về vật chứng vụ án đề nghị tuyên trả 01 xe mô tô biển kiểm soát 60B8 - 78....; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 024750 tên Nguyễn Thị Mai L cho chủ sở hữu hợp pháp chị Hàn Mỹ D. Về án phí buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Bị cáo Nguyễn Văn B thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng, bị cáo hối hận về hành vi của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo,

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Bù Đăng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: khoảng 03 giờ ngày 31 tháng 01 năm 2018 Nguyễn Văn B điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 60B8 - 78.... chở Thành (không rõ nhân thân, lai lịch) chạy trên tuyến đường Quốc lộ 14 hướng từ thị xã Đồng Xoài đi tỉnh Đắk Nông. Khi đến thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước thì Thành phát hiện 01 xe ô tô tải biển kiểm soát: 47C-09.....đang dừng bên đường nên lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của người bị hại, Thành và Nguyễn Văn B đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là 01 điện thoại di động I phone 7 đã qua sử dụng có giá trị là 13.600.000 đồng; 01 điện thoại di động SAMSUNG J7 Pro đã qua sử dụng có giá trị là 5.592.000 đồng và số tiền 3.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 22.192.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Nguyễn Văn B đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;

đ) Tài sản là di vật, cổ vật.

Như vậy, nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên chỉ vì lười lao động nhưng lại muốn được hưởng thụ, bị cáo và Thành đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác với vai trò là người giúp sức tích cực. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác, đây là quyền về tài sản được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra hành vi của bị cáo còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự trị an tại địa phương.

[3] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuy nhiên, bị cáo là người có nhân thân xấu, vào ngày 16 tháng 5 năm 2008 bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh B xử phạt 09 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại và khắc phục hậu quả; đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo có con còn nhỏ là tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Sau khi cân nhắc mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, Hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 48 Bộ Luật Hình sự 2015, Khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015: Tuyên trả 01 xe mô tô biển

kiểm soát 60B8 - 78....; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 024750 tên Nguyễn Thị Mai L cho chị Hàn Mỹ D vì chị D không biết bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội; Đối với 01 điện thoại di động Iphone 6, màu trắng; 01 điện thoại di động NOKIA màu đen; 01 điện thoại di động hiệu LAMBOGHINI, màu vàng đen; 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe mô tô mang tên Nguyễn Văn B hiện đã xử lý tra trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là đúng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Quốc H không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đối với hành vi của Thành (không xác định nhân thân, lai lịch) do thời hạn điều tra đã hết nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bù Đăng tách ra tiếp tục điều tra xác minh, xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm xử lý vụ án của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn B phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 173, điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được trừ vào thời hạn tạm giữ trước từ ngày 31 tháng 01 năm 2018 đến ngày 09 tháng 02 năm 2018.

[2] Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 48 Bộ Luật Hình sự 2015, Khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015;

Tuyên trả 01 xe mô tô biên kiểm soát: 60B8 - 78.... và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 024750 tên Nguyễn Thị Mai L cho chị Hàn Mỹ D.

(theo biên bản giao, nhận vật chứng số 0009595 ngày 24/4/2018 giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bù Đăng và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng).

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương, nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Lê Thành Long